HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

# BÁNH BAO THỊT TRUYỀN THỐNG

**CÔNG TY TNHH MTV KIM NHƯ FNB**
Địa chỉ: Số 30A, Nguyễn Thái Học, Khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

**THÁNG 06/2024**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/KIMNHUFNB/2024

## I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH MTV KIM NHƯ FNB

Địa chỉ: Số 30A, Nguyễn Thái Học, Khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 0344 777 818 Fax: .....

Email:

Mã số doanh nghiệp: 3901332246

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 01/GCNATTP-SCT. Do Sở Công Thương tỉnh Tây Ninh cấp ngày 13/01/2023, có hiệu lực đến ngày 13/01/2026.

## II. Thông tin sản phẩm

1. **Tên sản phẩm**: **BÁNH BAO THỊT TRUYỀN THỐNG**
2. **Thành phần:** bột mì (27%), đường tinh luyện, muối, shortening, nước, thịt heo (19%), dầu ăn, trứng cút, trứng gà, trứng muối, men khô, củ sắn, củ hành, hành lá, hành tím, dầu hào, lạp xưởng, phomai, tiêu, tinh bột biến tính (E1422), chất điều vị (E621), bột năng, chất tạo xốp (500(ii)).
3. **Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- 5-7 ngày trong ngăn mát tủ lạnh hoặc 2°C đến 10°C.
- 1 tháng nếu bảo quản trong ngăn đá tủ lạnh hoặc -18°C đến 0°C.
- Ngày sản xuất và hạn sử dụng được ghi trên nhãn hoặc trên bao bì.

4. ***Hướng dẫn sử dụng:*** Rã đông từ ngăn đông tủ lạnh hoặc lấy bánh ra khỏi ngăn mát tủ lạnh sau đó hấp lại bánh ở nhiệt độ 100°C (nước sôi) tối thiểu trong vòng 15 phút. Sử dụng bánh ngay sau khi hấp xong hoặc tối đa trong khoảng 45 – 60 phút tính từ sau khi lấy ra từ thiết bị làm nóng.
5. ***Bảo quản:*** bảo quản trong ngăn mát, ngăn đông tủ lạnh hoặc tủ đông chuyên dụng.
6. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Sản phẩm được chứa trong bao PE, PP hoặc các bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.
- Quy cách đóng gói: khối lượng tịnh 130g hoặc khối lượng tịnh có thể thay đổi theo nhu cầu thị trường.

**7. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

- Nơi sản xuất: CÔNG TY TNHH MTV KIM NHƯ FNB
- Địa chỉ sản xuất: Số 30A, Nguyễn Thái Học, Khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

**BÁNH BAO THỊT TRUYỀN THỐNG**

**Thành phần**: bột mì (27%), đường, muối, shortening, nước, thịt heo (19%), dầu ăn, trứng cút, trứng gà, trứng muối, men khô, củ sắn, củ hành, hành lá, hành tím, dầu hào, lạp xưởng, phomai, tiêu, tinh bột biến tính (E1422), chất điều vị (E621), bột năng, chất tạo xốp (500(ii)).

**Ngày sản xuất**: .../.../... **Hạn sử dụng**: .../.../...

**Hướng dẫn bảo quản**:

- 5-7 ngày trong ngăn mát tủ lạnh hoặc 2°C đến 10°C.
- 1 tháng nếu bảo quản trong ngăn đá tủ lạnh hoặc -18°C đến 0°C.

**Hướng dẫn sử dụng:** Rã đông từ ngăn đông tủ lạnh hoặc lấy bánh ra khỏi ngăn mát tủ lạnh sau đó hấp lại bánh ở nhiệt độ 100°C (nước sôi) tối thiểu trong vòng 15 phút. Sử dụng bánh ngay sau khi hấp xong hoặc tối đa trong khoảng 45 – 60 phút tính từ sau khi lấy ra từ thiết bị làm nóng.

**Thông tin cảnh báo:** không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng.

**Khối lượng tịnh**: 130g hoặc khối lượng tịnh có thể thay đổi theo nhu cầu thị trường.

**Sản xuất tại:** CÔNG TY TNHH MTV KIM NHƯ FNB

**Địa chỉ**: số 30A, Nguyễn Thái Học, Khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

## IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của chính phủ ngày 02 tháng 02 năm 2018 về Quy định chi tiết một số điều về luật an toàn thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT thông tư Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư số 29/2023/TT-BYT thông tư hướng dẫn cách ghi thành phần dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tây Ninh, ngày 21 tháng 06 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

*(Ký tên, đóng dấu)*

M.S.D.N: 3901332246 - C.T.T.N.H.H

CÔNG TY TNHH MTV KIM NHƯ FNB

TP. TÂY NINH - T. TÂY NINH

Huỳnh Kim Như

# TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

## 1.1.Các chỉ tiêu cảm quan

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | YÊU CẦU |
|---|---|---|
| 1 | Trạng thái | Dạng rắn có nhân bên trong |
| 2 | Màu sắc | Màu sắc đặc trưng của sản phẩm |
| 3 | Mùi vị | Đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ, không có vị lạ |

## 1.2.Các chỉ tiêu vi sinh vật

*Theo QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm; Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.*

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | ĐVT | MỨC TỐI ĐA |
|---|---|---|---|
| 1 | *TSVSVHK* | CFU/g | $5 \times 10^5$ |
| 2 | *Coliforms* | CFU/g | $10^3$ |
| 3 | *E. coli* | CFU/g | $10^2$ |
| 4 | *S.aureus* | CFU/g | $10^2$ |
| 5 | *Cl.perfringens* | CFU/g | $10^2$ |
| 6 | *B.cereus* | CFU/g | $10^2$ |
| 7 | *TSBTNM-M* | CFU/g | $10^3$ |
| 8 | *Salmonella* | CFU/25g | 0 |

## 1.3.Hàm lượng kim loại nặng

*Theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.*

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | ĐVT | MỨC TỐI ĐA |
|---|---|---|---|
| 1 | Cadimi | mg/kg | 0.05 |
| 2 | Chì | mg/kg | 0.1 |

## 1.4.Độc tố vi nấm

*Theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.*

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | ĐVT | MỨC TỐI ĐA |
|---|---|---|---|
| 1 | *Aflatoxin B1* | µg/kg | 5 |
| 2 | *Aflatoxin B1B2G1G2* | µg/kg | 15 |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN
# CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

## SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH TÂY NINH
**Chứng nhận**

Cơ sở: **Công ty TNHH MTV KIM NHƯ FnB**

Loại hình sản xuất, kinh doanh: các loại bánh từ bột

Chủ cơ sở: Bà Huỳnh Kim Như

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh: số 30A Nguyễn Thái Học, Khu phố 4, Phường III, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 0344.777818

## ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 8157 quyển số 02 /2024-SCT/BS
Ngày 28 tháng 6 năm 2024
CÔNG CHỨNG VIÊN

Lương Tâm Thanh

*Tây Ninh, ngày 13 tháng 01 năm 2023*
**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH TÂY NINH

**Nguyễn Thành Đời**

Số cấp: 01/GCNATTP-SCT
Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
ngày 13/01/2026

(Kèm theo Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
số 01/GCNATTP-SCT ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Sở Công Thương)

| STT | Tên nhóm sản phẩm |
|---|---|
| **III** | **Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương** |
| 1 | Bánh, mứt, kẹo |

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TÂY NINH
**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
# CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

**Mã số doanh nghiệp: 3901332246**

*Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 12 năm 2022*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV KIM NHƯ FNB

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số 30A, Nguyễn Thái Học, khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam*

Điện thoại: *0344.777.818* Fax:

Email: Website:

**3. Vốn điều lệ** 2.000.000.000 đồng

*Bằng chữ: Hai tỷ đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Họ và tên: HUỲNH KIM NHƯ Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *02/08/1998* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *072198010705*

Ngày cấp: *25/01/2022* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 30A, Nguyễn Thái Học, khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 30A, Nguyễn Thái Học, khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam*

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

* Họ và tên: HUỲNH KIM NHƯ

Chức danh: Giám đốc Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *02/08/1998* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *072198010705*

Ngày cấp: *25/01/2022* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 30A, Nguyễn Thái Học, khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 30A, Nguyễn Thái Học, khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam*

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 8152 quyển số 02/2024-SCT/BS
Ngày 28 tháng 6 năm 2024
CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LƯƠNG TÂM THANH

Lương Tâm Thanh

**TRƯỞNG PHÒNG**

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TÂY NINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

**Phạm Hồng Thắm**

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## *TEST REPORT*

Mã số/ *Ref. No*: GKC4240600051-1

| | | |
|---|---|---|
| **Tên khách hàng**/ *Client's Name* | : | **CÔNG TY TNHH MTV KIM NHƯ FNB** |
| **Địa chỉ**/ *Client's Address* | : | Số 30A, Nguyễn Thái Học, Khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam |
| **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* | : | 03/06/2024 |
| **Ngày thử nghiệm**/ *Date of testing* | : | 03/06/2024 - 08/06/2024 |
| **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* | : | 08/06/2024 |
| **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* | : | **BÁNH BAO THỊT TRUYỀN THỐNG** |
| **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* | : | Mẫu chứa trong túi nhựa kín |
| **Bảng kết quả**/ *Results Table* | : | |

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## *TEST REPORT*

Mã số/ *Ref. No*: GKC4240600051-1

| STT/ *No.* | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)* | Kết Quả/ *Result (s)* | Đơn Vị/ *Unit* | Phương Pháp Thử/ *Test Method* |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*) | Không phát hiện/ Not Detected | /25g | TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017) |
| 2 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*) | $4.0 \times 10^2$ | CFU/g | TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013) |
| 3 | Coliforms (*) / Coliforms (*) | Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10) | CFU/g | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) |
| 4 | Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*) | Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0) | MPN/g | TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015) |
| 5 | Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*) | Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10) | CFU/g | AOAC 980.31 |
| 6 | Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*) | Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10) | CFU/g | AOAC 975.55 |
| 7 | Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*) | Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10) | CFU/g | TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004) |
| 8 | Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds | Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10) | CFU/g | Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) |
| 9 | Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*) | Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01) | mg/kg | AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01) |
| 10 | Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*) | Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01) | mg/kg | AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01) |
| 11 | Aflatoxin tổng số (B1. B2. G1. G2) (*) / Sum of Aflatoxin (B1. B2. G1. G2) (*) | Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1) | µg/kg | AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003)) |
| 12 | Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*) | Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1) | µg/kg | AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003)) |

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
# TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: GKC4240600051-1

| STT/ No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s) | Kết Quả/ Result (s) | Đơn Vị/ Unit | Phương Pháp Thử/ Test Method |
|---|---|---|---|---|
| 13 | Năng lượng (Tính từ protein, béo, carbohydrate không bao gồm xơ) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate not included fiber) (*) | 238 | kcal/100g | AVA-KN-PP.HL/10 |
| 14 | Đạm (*) / Protein (*) | 11.4 | g/100g | AVA-KN-PP.HL/01 |
| 15 | Béo tổng (*) / Total fat (*) | 9.30 | g/100g | AVA-KN-PP.HL/02 |
| 16 | Carbohydrat (Không bao gồm xơ) (*) / Carbohydrate (Not included fiber) (*) | 27.2 | g/100g | Calculated from carbohydrate and total dietary fiber |
| 17 | Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*) | 788 | mg/100g | AVA-KN-PP.QP/014 (Ref. AOAC 985.35) |
| 18 | Xơ tổng số (*) / Total dietary fiber (*) | 2.78 | % | TCVN 9050:2012 |

**Chú thích/ *Remarks*:**

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
# TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: GKC4240600051-1

| THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS) | | | |
|---|---|---|---|
| Thành phần dinh dưỡng | Trên 100g | | % giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV) |
| **Năng lượng (Energy)** | **238** | **kcal** | **12%** |
| **Chất đạm (Protein)** | **11.4** | **g** | **23%** |
| **Carbohydrate** | **27.2** | **g** | **8%** |
| **Chất béo (Fat)** | **9.30** | **g** | **17%** |
| **Natri (Sodium)** | **788** | **mg** | **39%** |

*% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values – NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100g thực phẩm. Giá trị dinh dưỡng tham chiếu: Năng lượng (Energy): 2000 kcal; Chất đạm (Protein): 50g; Carbohydrate: 325g; Đường tổng số (Total Sugars): Chưa khuyến nghị giá trị dinh dưỡng tham chiếu; Chất béo (Fat): 56g; Chất béo bão hòa (Saturated Fat): 20g; Natri (Sodium): 2000mg*

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**
**TECHNICAL MANAGER**

**BÙI TÂN BÌNH**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**
**DEPUTY DIRECTOR**

M.S.D.N: 0317892463 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**TRẦN HOÀNG VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# THÔNG BÁO

(V/v thay đổi nội dung trên công bố sản phẩm)

Kính gửi: **CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH TÂY NINH.**

Công ty TNHH MTV Kim Như FNB xin trân trọng thông báo về việc thay đổi một số nội dung trên công bố sản phẩm bánh bao thịt truyền thống đã nộp lên Cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm vào ngày 28/06/2024.

**Nội dung thay đổi cụ thể như sau:**

- Mục hướng dẫn bảo quản:

+ Thời hạn cũ:

5-7 ngày trong ngăn mát tủ lạnh hoặc 2°C - 10°C
1 tháng nếu bảo quản trong ngăn đá tủ lạnh hoặc -18°C - 0°C

+ Thời hạn mới:

7-10 ngày trong ngăn mát tủ lạnh hoặc 2°C - 10°C
60 ngày nếu bảo quản trong ngăn đá tủ lạnh hoặc -18°C - 0°C

Lý do thay đổi: Do nhu cầu thị trường, công ty xin phép thay đổi thời hạn sử dụng của sản phẩm.

Thời gian áp dụng: Từ ngày 03../.03./2025

Chúng tôi cam kết chỉ thay đổi nội dung về thời hạn sử dụng mà không có bất kỳ điều chỉnh nào khác. Mọi thay đổi đều tuân thủ các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm và đảm bảo chất lượng sản phẩm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng,

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**
(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 3901332246 C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MTV KIM NHƯ FNB
TP.TÂY NINH - T.TÂY NINH

Huỳnh Kim Như